

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2023/HSST

Ngày 07/11/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP – TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Đang;

bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2023/TLST - HS ngày 06 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST – HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị P, sinh ngày 15/11/1983, tại **huyện T, tỉnh Nghệ An**; nơi cư trú: **tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Nguyễn Văn Đ**, con bà **Nguyễn Thị T**; chồng: **Phạm Văn T1**, con có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 27/5/2015 bị cáo bị **Công an thành phố T** xử phạt hành chính, phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, chấp hành nộp tiền phạt ngày 28/9/2015; Ngày 05/9/2019 bị **Công an thành phố T** xử phạt hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, chấp hành nộp tiền phạt ngày 09/9/2019. Bị cáo hiện đang chấp hành lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Đinh Văn D, sinh ngày 02/4/1982 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú **tổ dân phố L, phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Đinh Văn H**, con bà **Nguyễn Thị V**; vợ: **Đinh Thị H1**, con có 02

con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại bản án số: 32/2015/HSST ngày 20/8/2015 của Tòa án nhân thành phố T, tỉnh Ninh Bình xử phạt 12 tháng Cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 3.000.000đồng, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, về tội: “Đánh bạc”. Đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và chấp hành xong hình phạt bổ sung ngày 14/10/2015. Chấp hành xong hình phạt Cải tạo không giam giữ và được cấp giấy chứng nhận ngày 15/9/2016. Tại bản án số 11/2017/HSST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xử phạt 06 tháng tù, phạt bổ sung 3.000.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, về tội: “Đánh bạc”. Đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và chấp hành xong hình phạt bổ sung ngày 07/7/2017. Chấp hành xong hình phạt tù và được cấp giấy chứng nhận ngày 17/6/2017. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang chấp hành Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp(bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị **Ngô Thị Ánh T2**, sinh năm 1980, nơi cư trú: **thôn X, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình** (vắng mặt)
2. Chị **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1988, nơi cư trú: **tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình** (vắng mặt)
3. Anh **Trần Quốc H2**, sinh năm 1987, nơi cư trú: **thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình** (vắng mặt)
4. Anh **Phạm Công C**, sinh năm 1985, nơi cư trú: **tổ dân phố Đ, phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình** (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau: **Nguyễn Thị P** tự đứng ra cho vay lãi nặng và bán số lô, số đề thu lời bất chính. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/11/2021 đến ngày 15/4/2023, **P** cho anh **Trần Quốc H2**; anh **Phạm Công C**; chị **Nguyễn Thị T3** và chị **Ngô Thị Ánh T2** vay tổng số tiền 66.000.000 đồng với mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,47 lần mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự, nhằm thu lời bất chính với tổng số tiền 53.446.740 đồng.

Ngày 11/5/2023 bán số lô, số đề cho **Đinh Văn D**, sinh năm 1982, trú tại **tổ dân phố L, phường Y, thành phố T** với tổng số tiền sử dụng đánh lô, đề là 7.050.000 đồng. Cụ thể như sau:

Nguyễn Thị P cho anh **Phạm Công C** vay: do cần tiền lo việc cá nhân, ngày 10/11/2021 anh **C** đến nhà gặp **P** hỏi vay số tiền 10.000.000đồng **P** đồng ý và đưa ra mức lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1ngày, nghĩa là mỗi tháng anh **C** phải trả cho **P** 900.000 đồng cho khoản vay 10.000.000 đồng (một tháng tính 30 ngày không kể tháng đủ, tháng thiếu), tương ứng với 109,5%/năm, gấp 5,47 lần mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự, trả lãi hàng tháng, cho đến khi trả xong cả gốc, anh **C** đồng ý. Thỏa thuận xong, **P** đưa cho anh **C** 10.000.000 đồng. Do là bạn bè quen biết nhau nên **P** không yêu cầu anh **C** viết giấy vay tiền. Trong quá trình vay, ngày 10/12/2021, ngày 12/01/2022, ngày 12/02/2022 và ngày 30/3/2022 anh **C** trả lãi cho **P** bằng cách chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng anh **C** mở tại **ngân hàng TMCP Q** số 2310108058001 đến tài khoản ngân hàng của **P** mở tại **ngân hàng TMCP Q** số 0972.007.963 (mỗi tháng chuyển 900.000 đồng).

Đến ngày 02/5/2022 anh **C** tiếp tục đến nhà **P** hỏi vay thêm số tiền 10.000.000đồng, **P** đồng ý và tính với anh **C** mức lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Vì khoản vay trước anh **C** chưa trả tiền lãi tháng 3 và tháng 4 năm 2022 cho **P** nên khi cho anh **C** vay thêm 10.000.000 đồng, **P** đã trừ luôn tiền lãi tháng 3 và tháng 4/2022 tổng là 1.800.000 đồng, do vậy **P** chỉ chuyển từ tài khoản ngân hàng của **P** đến số tài khoản ngân hàng của anh **C** số tiền 8.200.000 đồng. **P** và anh **C** cũng thống nhất gộp luôn 2 khoản vay này thành 1 khoản vay mới với số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Trong quá trình vay, anh **C** trả tiền lãi cho **P** qua tài khoản, cụ thể: ngày 23/6/2022, anh **C** chuyển khoản cho **P** 1.800.000 đồng; ngày 15/9/2022, anh **C** chuyển khoản cho **P** 3.600.000 đồng; các ngày 12/10/2022, 24/11/2022, 22/12/2022, 16/01/2023, 13/02/2023, 21/3/2023 và 10/4/2023 anh **C** chuyển khoản cho **P** mỗi lần 1.800.000 đồng (tổng 12.600.000 đồng); ngày 09/5/2023 anh **C** chuyển khoản cho **P** 1.000.000 đồng và ngày 15/5/2023, anh **C** chuyển khoản cho **P** 800.000 đồng. Tính đến ngày 02/5/2023, anh **C** đã trả cho **P** tổng tiền lãi là 25.200.000 đồng, còn thiếu một tháng tiền lãi và số tiền gốc 20.000.000 đồng chưa trả.

Đối với 2 khoản vay trên, tính đến ngày 18/5/2023 (Cơ quan điều tra phát hiện): Số tiền lãi theo thỏa thuận, tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự; tiền nhằm thu lời bất chính và tiền thực tế thu lời bất chính của **P** là:

+ Số tiền lãi theo thỏa thuận:

- Đối với khoản vay 10.000.000 đồng (từ ngày 10/11/2021 đến ngày 02/5/2022) là: $10.000.000đ \times 172$ (ngày thỏa thuận) : $1.000.000đ \times 3.000đ = 5.160.000$ đồng (nhưng anh **C** đã trả cho **P** 5.400.000đ);

- Đối với khoản vay 20.000.000 đồng (từ ngày 02/5/2022 đến ngày 18/5/2023) là: $20.000.000đ \times 376$ (ngày thỏa thuận) : $1.000.000đ \times 3.000đ = 22.560.000$ đồng;

+ Tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự:

- Đối với khoản vay 10.000.000 đồng, số tiền lãi anh **C** phải trả cho **P** từ ngày 10/11/2021 đến ngày 02/5/2022 là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \times 173$ (số ngày thực tế) = 947.945 đồng.

- Đối với khoản vay 20.000.000đ từ ngày 02/5/2022 đến ngày 02/5/2023 (tổng 365 ngày) là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 365$ (số ngày thực tế) = 4.000.000 đồng.

Tổng tiền thực tế **P** được thu là: $947.945 \text{ đồng} + 4.000.000 \text{ đồng} = 4.947.945 \text{ đồng}$.

- Đối với khoản vay 20.000.000 đồng, số tiền lãi anh **C** phải trả cho **P** từ ngày 02/5/2022 đến ngày 18/5/2023 là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \times 381$ (số ngày thực tế) = 4.175.342 đồng.

Tổng tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự **P** chỉ được thu của **C** là: $947.945 \text{ đồng} + 4.175.342 \text{ đồng} = 5.123.287 \text{ đồng}$.

+ Số tiền **P** nhằm thu lợi bất chính:

- Đối với khoản vay 10.000.000đ từ ngày 10/11/2021 đến ngày 02/5/2022 (tổng 173 ngày) = $5.400.000 \text{ đồng} - \text{số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự } 947.945 \text{ đồng} = 4.452.055 \text{ đồng}$.

- Đối với khoản vay 20.000.000đ từ ngày 02/5/2022 đến ngày 18/5/2023 (tổng 376 ngày) = $22.560.000 \text{ đồng} - \text{số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự } 4.175.342 \text{ đồng} = 18.384.658 \text{ đồng}$.

Như vậy: tổng số tiền **P** nhằm thu lợi bất chính từ 02 lần cho anh **C** vay đến ngày cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện là: $4.452.055 \text{ đồng} + 18.384.658 \text{ đồng} = 22.836.713 \text{ đồng}$.

Tổng số thực tế đã thu lợi bất chính từ 02 lần cho anh **C** vay đến ngày 02/5/2023 là: $25.200.000 \text{ đồng} - 4.947.945 \text{ đồng} = 20.252.055 \text{ đồng}$.

Nguyễn Thị P cho Trần Quốc H2 vay: do cần tiền lo việc cá nhân, ngày 08/02/2022 anh H2 liên lạc hỏi vay P số tiền 20.000.000 đồng. P đồng ý và đưa ra mức lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1ngày, nghĩa là mỗi tháng anh H2 phải trả cho P 1.800.000 đồng cho khoản vay 20.000.000 đồng (một tháng tính 30 ngày không kể tháng đủ, tháng thiếu), tương ứng với 109,5%/năm, gấp 5,47 lần mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự, trả lãi hàng tháng, cho đến khi trả xong cả gốc, anh H2 đồng ý. Thỏa thuận xong P chuyển từ tài khoản ngân hàng P, mở tại ngân hàng TMCP Q số 0972.007.963 đến tài khoản ngân hàng của H2 mở tại ngân hàng B số 21310000442676 số tiền 18.000.000 đồng (P cắt luôn tiền lãi của tháng 3 là 1.800.000 đồng và 200.000 đồng anh H2 nợ P tiền gửi mừng đám hỏi trước đó). Do là bạn bè quen biết nhau nên P không yêu cầu anh H2 viết giấy vay tiền. Trong quá trình vay các ngày 24/04/2022, 18/5/2022, 13/6/2022, 15/7/2022, 09/8/2022, 08/9/2022, 13/10/2022, 14/11/2022, 18/01/2023, 16/02/2023 anh H2 trả lãi cho P bằng cách chuyển khoản (mỗi tháng chuyển 1.800.000 đồng); ngày 15/5/2023 anh H2 trả tiền lãi cho P bằng cách chuyển khoản số tiền 3.600.000 đồng (tiền lãi của tháng 3 và tháng 4); tháng 12/2022 anh H2 trả tiền mặt. Tính đến ngày 08/4/2023, anh H2 đã trả cho P tổng tiền lãi là 23.400.000đ, số tiền gốc 20.000.000 đồng chưa trả.

Đối với khoản vay trên đến ngày 18/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện, tiền lãi theo thỏa thuận; tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự; tiền nhằm thu lợi bất chính và tiền thực tế thu lợi bất chính của P là:

+ Số tiền lãi theo thỏa thuận (từ ngày 08/02/2022 đến ngày 18/5/2023) là:
 $20.000.000đ \times 460 \text{ (ngày thỏa thuận)} : 1.000.000đ \times 3.000đ = 27.600.000 \text{ đồng};$

+ Tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự anh H2 phải trả cho P từ ngày 08/02/2022 đến ngày 18/5/2023 là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \times 464 \text{ (số ngày thực tế)} = 5.084.932 \text{ đồng}.$

+ Số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự anh H2 phải trả cho P từ ngày 08/02/2022 đến ngày 08/4/2023 là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \times 425 \text{ ngày} = 4.657.534 \text{ đồng}.$

+ Số tiền P nhằm thu lợi bất chính từ ngày 08/02/2022 đến ngày 18/5/2023 (tổng 464 ngày) = $27.600.000 \text{ đồng} - \text{số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự } 5.084.932 \text{ đồng} = 22.515.068 \text{ đồng}.$

+ Số tiền thực tế P đã thu lợi bất chính từ ngày 08/02/2022 đến ngày 08/4/2023 là: $23.400.000 \text{ đồng} - 4.657.534 \text{ đồng} = 18.742.466 \text{ đồng}.$

Nguyễn Thị P cho Ngô Thị Ánh T2 vay: do cần tiền lo công việc cá nhân, ngày 10/8/2022 chị T2 đến nhà hỏi vay P số tiền 10.000.000 đồng. P đồng ý và đưa ra mức lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1ngày, nghĩa là mỗi tháng chị T2 phải trả cho P 900.000 đồng cho khoản vay 10.000.000 đồng (một tháng tính 30 ngày không kể tháng đủ, tháng thiếu), tương ứng với 109,5%/năm, gấp 5,47 lần mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự, trả lãi hàng tháng, cho đến khi trả xong cả gốc, chị T2 đồng ý. Thỏa thuận xong, P đưa cho chị T2 10.000.000 đồng tiền mặt. Do là bạn bè quen biết nhau nên P không yêu cầu chị T2 viết giấy vay tiền. Trong quá trình vay, chị T2 trả tiền lãi cho P các tháng 09, tháng 10/2022, tháng 02/2023, tháng 3/2023, tháng 4/2023 và tháng 5/2023 trả qua tài khoản (mỗi tháng trả 900.000 đồng); các tháng 11/2022, 12/2022, 01/2023 trả bằng tiền mặt (mỗi tháng 900.000 đồng). Tính đến ngày 10/5/2023, chị T2 đã trả cho P tổng tiền lãi là 8.100.000 đồng, số tiền gốc 10.000.000 đồng chưa trả cho P.

Đối với khoản vay trên đến ngày 18/5/2023 (Cơ quan điều tra phát hiện), tiền lãi theo thỏa thuận; tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự; tiền nhằm thu lợi bất chính và tiền thực tế thu lợi bất chính của P là:

+ Số tiền lãi theo thỏa thuận (từ ngày 10/8/2022 đến ngày 18/5/2023) là:
 $10.000.000đ \times 278 \text{ (ngày thỏa thuận)} : 1.000.000đ \times 3.000đ = 8.340.000 \text{ đồng};$

+ Tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự chị T2 phải trả cho P từ ngày 10/8/2022 đến ngày 18/5/2023 là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \times 281 \text{ (số ngày thực tế)} = 1.539.726 \text{ đồng}.$

+ Tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự chị T2 phải trả cho P từ ngày 10/8/2022 đến ngày 10/5/2023 là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \times 270 \text{ (số ngày thực tế)} = 1.479.452 \text{ đồng}.$

+ Số tiền P nhằm thu lợi bất chính từ ngày 10/8/2022 đến ngày 18/5/2023 (tổng 281 ngày) = $8.340.000 \text{ đồng} - \text{số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự } 1.539.726 \text{ đồng} = 6.800.274 \text{ đồng}.$

+ Số tiền thực tế đã thu lợi bất chính từ ngày 10/8/2022 đến ngày 10/5/2023 là: $8.100.000 \text{ đồng} - 1.479.452 \text{ đồng} = 6.620.548 \text{ đồng}.$

Nguyễn Thị P cho Nguyễn Thị T3 vay: do cần tiền lo công việc cá nhân, ngày 15/4/2023 chị T3 đến nhà hỏi vay P số tiền 16.000.000 đồng, P đồng ý và đưa ra mức lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1ngày, nghĩa là mỗi tháng chị T3 phải trả cho P 1.440.000 đồng cho khoản vay 16.000.000 đồng (một tháng tính 30 ngày không kể tháng đủ, tháng thiếu), tương ứng với 109,5%/năm, gấp 5,47 lần mức lãi suất

tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự, trả lãi hàng tháng, cho đến khi trả xong cả gốc, chị T3 đồng ý; P chuyển từ tài khoản ngân hàng P, mở tại ngân hàng TMCP Q số 0972.007.963 đến tài khoản ngân hàng chị T3 mở tại ngân hàng V1 số 106004527321 số tiền 16.000.000 đồng. Do là bạn bè quen biết nhau nên P không yêu cầu chị T3 viết giấy vay tiền. Trong quá trình vay, chị T3 trả tiền lãi cho P qua tài khoản, cụ thể ngày 15/5/2023, chị T3 trả 1.000.000 đồng và ngày 16/5/2023 chị T3 trả số tiền 450.000 đồng. Tính đến ngày 15/5/2023, chị T3 đã trả cho P tổng tiền lãi là 1.450.000 đồng, số tiền gốc 16.000.000 đồng chưa trả cho P.

Đối với khoản vay trên đến ngày 18/5/2023 (Cơ quan điều tra phát hiện), tiền lãi theo thỏa thuận; tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự; tiền nhằm thu lợi bất chính và tiền thực tế thu lợi bất chính của P là:

+ Số tiền lãi theo thỏa thuận (từ ngày 15/4/2023 đến ngày 18/5/2023) là: $16.000.000đ \times 33$ (ngày thỏa thuận) : $1.000.000đ \times 3.000đ = 1.584.000$ đồng;

+ Tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự lãi chị T3 phải trả cho P từ ngày 15/4/2023 đến ngày 18/5/2023 là: $16.000.000$ đồng $\times 20\%$: 365×33 (số ngày thực tế) = 289.315 đồng.

+ Tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự chị T3 phải trả cho P từ ngày 15/4/2023 đến ngày 15/5/2023 là: $16.000.000$ đồng $\times 20\%$: 365×30 (số ngày thực tế) = 263.013 đồng.

+ Số tiền P nhằm thu lợi bất chính từ ngày 15/4/2023 đến ngày 18/5/2023 (tổng 33 ngày) = 1.584.000 đồng – số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự 289.315 đồng = 1.294.685 đồng.

+ Số tiền thực tế thu lợi bất chính từ ngày 15/4/2023 đến ngày 15/5/2023 là: $1.450.000$ đồng – 263.013 đồng = 1.186.987 đồng.

Như vậy: tổng số tiền Nguyễn Thị P nhằm thu lợi bất chính từ việc cho anh C, anh H2, chị T2 và chị T3 vay là: $22.836.713đ + 22.515.068đ + 6.800.274đ + 1.294.685đ = 53.446.740$ đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Thị P thực tế đã thu lợi bất chính từ việc cho anh C, anh H2, chị T2 và chị T3 vay là: $20.252.055đ + 18.742.466đ + 6.620.548đ + 1.186.987đ = 46.802.056$ đồng.

Ngày 18/5/2023 nhận được đơn tố giác của quần chúng nhân dân, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T triệu tập Nguyễn Thị P đến Công an thành

phố T làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Thị P đã khai nhận hành vi như đã nêu trên, đồng thời P tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 11S, màu đen, lắp sim có số thuê bao 0972.007.963. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại P giao nộp, kết quả: Thông tin chủ thuê bao số điện thoại 0972.007.963 là Nguyễn Thi P1, sinh ngày 15/11/1983 số thẻ căn cước công dân 040183002042, cấp ngày 05/6/2020. Kiểm tra ứng dụng Zalo trên điện thoại ghi nhận, tài khoản đăng nhập tên “Phượng N”, trong ứng dụng zalo có tin nhắn với tài khoản zalo tên “Đinh D”, cụ thể: 01 tin nhắn đến lúc 17 giờ 36 phút ngày 11/5/2023 với nội dung: “Lo 57 = 250 diem, dau, 9, = 1 triệu ca dau, de, 93 = 300 ngin”; tin nhắn đi lúc 17 giờ 49 phút ngày 11/5/2023 với nội dung: “OK”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T chụp ảnh, in ra từng tờ giấy A4, có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị P trên từng tờ.

Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Thị P và Đinh Văn D, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố L, phường Y, thành phố T là bạn bè quen biết nhau; P sử dụng điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 11S, màu đen, lắp sim có số thuê bao 0972.007.963, D sử dụng điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung A12, màu xanh, lắp sim có số thuê bao 0396.154.662. P và D cho nhau số điện thoại và kết bạn với nhau trên zalo có tên “Phượng N” và “Đinh Dương”. P có nói với D là P có nhận bán số lô, số đề qua zalo điện thoại với tỷ lệ thắng, thua như sau: đề mua 1.000 đồng, nếu trúng được 70.000 đồng; lô mua 01 điểm là 23.000 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng, lấy kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng cùng ngày để đối chiếu trả thưởng, D nói lúc nào có nhu cầu mua thì sẽ nhắn tin trên zalo gửi đến zalo của P.

Hồi 17 giờ 36 phút ngày 11/5/2023, D sử dụng điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung A12, màu xanh, lắp sim có số thuê bao 0396.154.662 soạn tin nhắn trên zalo với nội dung: “Lo 57 = 250 diem, dau, 9, = 1 triệu ca dau, de, 93 = 300 ngin” gửi đến tài khoản zalo có tên “Phượng N”, có nghĩa là số lô 57 mua 250 điểm (1 điểm là 23.000đ) tổng số tiền 5.750.000 đồng; mua các số đề đầu 9 gồm: 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99 tổng 1.000.000 đồng; mua số đề 93 là 300.000 đồng. Tổng số tiền mua số lô, số đề của P là 7.050.000 đồng. Nhận được tin nhắn của D, hồi 17 giờ 49 phút cùng ngày, P nhắn tin xác nhận “Ok” tức là đồng ý bán cho D các số lô, số đề với tổng số tiền là 7.050.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số mở thưởng trong ngày 11/5/2023, P và D đối chiếu nhưng D không trúng số lô, số đề nào. Ngày 12/5/2023, D đã mang số tiền 7.050.000 đồng là tiền

mua số lô, số đề của **P** trả cho **P**. Như vậy tổng số tiền được tính **P** và **D** tham gia đánh bạc là 7.050.000đ (Bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 23/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra triệu tập **Đinh Văn D** đến trụ sở làm việc, **D** khai nhận vào đầu tháng 5/2023 có mua số lô, số đề của **P** qua tin nhắn zalo như **Nguyễn Thị P** khai báo và tự nguyện giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung A12, màu xanh, lắp sim có số thuê bao 0396.154.662. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** tiến hành kiểm tra kết quả: thông tin chủ thuê bao số điện thoại 0396.154.662 là **Đinh Văn D1**, sinh ngày 02/4/1982 số CMND 164076696, cấp ngày 27/3/2008. Kiểm tra ứng dụng zalo trên điện thoại có tài khoản đăng nhập tên “Nguyen Phuong”, phần tin nhắn với tài khoản “Nguyen Phuong” không hiển thị nội dung gì (**D** khai nhận đã xóa hết tin nhắn mua số lô, số đề của **P**). Kiểm tra phần danh bạ điện thoại có lưu số điện thoại 0972.007.963 với tên “Nguyen Phuong”. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** đã chụp ảnh, in ra từng tờ giấy A4, có chữ ký xác nhận của **Đinh Văn D** trên từng tờ.

Quá trình điều tra **Nguyễn Thị P** khai nhận ngoài việc bán số lô, số đề cho **Đinh Văn D** qua mạng xã hội vào ngày 11/5/2023, **P** còn bán số lô, số đề cho **D** vào các ngày trước đó nhưng **P** đã xóa hết các tin nhắn đó.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành ra Quyết định trưng cầu giám định số 78/ĐCSHS ngày 24/8/2023, trưng cầu **Phòng K Công an tỉnh N**, khôi phục và trích xuất dữ liệu điện tử từ tin nhắn zalo trong điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 11S, màu đen, lắp sim có số thuê bao 0972.007.963 với tài khoản zalo “Đinh Dương”, từ ngày 01/5/2023 đến ngày 11/5/2023 và khôi phục, trích xuất dữ liệu điện tử từ tin nhắn zalo trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12, màu xanh, lắp sim có số thuê bao 0396.154.662 với tài khoản zalo “**Phượng N**” từ ngày 01/5/2023 đến ngày 11/5/2023 để xác minh, làm căn cứ xử lý.

Tại bản Kết luận giám định số 744/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 15/9/2023 của **Phòng K Công an tỉnh N** kết luận: Tìm thấy 15 (mười lăm) dữ liệu tin nhắn zalo giữa tài khoản “**Phượng N**” và tài khoản “Đinh Dương” trong khoảng thời gian từ ngày 01/5/2023 đến ngày 10/5/2023 (trong đó chỉ có 01 tin nhắn liên quan đến việc mua bán số lô, số đề vào lúc 17 giờ 36 phút ngày 11/5/2023 giữa tài khoản người gửi là “Đinh Dương” và tài khoản người nhận là “**Phượng N**” trong điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 11S, màu đen, lắp sim có số thuê bao 0972.007.963. Không tìm thấy giữ liệu tin nhắn zalo giữa tài khoản

“Đinh Dương” với tài khoản “Nguyễn Phụng” trong khoảng thời gian từ ngày 01/5/2023 đến ngày 10/5/2023 trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12, màu xanh, lắp sim có số thuê bao 0396.154.662.

Quá trình điều tra, truy tố các bị can Nguyễn Thị P và Đinh Văn D đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 80/CT– VKSTĐ ngày 06/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp đã truy tố bị can Nguyễn Thị P2 để xét xử về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 và khoản 3 Điều 201 BLHS và tội “Đánh bạc” theo khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Bị can Đinh Văn D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp giữ nguyên quyết định truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và tội “Đánh bạc”; bị cáo Đinh Văn D về tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với tội “Đánh bạc” đối với bị cáo Nguyễn Thị P.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P từ 50 triệu đến 70 triệu đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Xử phạt từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 07/11/2023) về tội “Đánh bạc”

Giao bị cáo Nguyễn Thị P cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định luật Thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng đối với tội đánh bạc.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự để áp dụng đối với bị cáo Đinh Văn D. Xử phạt bị cáo Đinh Văn D từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 07/11/2023). Giao bị cáo Đinh Văn D cho Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình giám sát và

giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Phạt bổ sung từ 10 triệu đến 15 triệu đồng.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Truy thu của **Nguyễn Thị P** số tiền 46.000.000 (bốn mươi sáu triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

3.2. Truy thu của **Trần Quốc H2** số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

3.3. Đối với số tiền đánh bạc 7.050.000 đồng cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Ngày 09/10/2023 bị cáo đã nộp 7.050.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0001293 tại Chi cục thi hành án thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

3.4. Đối với số tiền lãi thu lời bất chính từ việc cho vay tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự: cụ thể từ việc cho **C** vay là 4.947.945 đồng; **H2** vay số tiền 4.657.534 đồng; **T2** vay số tiền 1.479.452 đồng; **T3** vay số tiền là 263.013 đồng. Tổng số tiền lãi nặng cần truy thu nộp Ngân sách Nhà nước là 11.347.944 đồng. Ngày 09/10/2023 bị cáo đã nộp số tiền 11.347.944 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001293 tại Chi cục thi hành án **thành phố T, tỉnh Ninh Bình**.

3.5. Về số tiền lãi vượt quá 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự bao gồm: anh **C** 20.252.055 đồng; chị **T2** 6.620.548 đồng; anh **H2** 18.742.466 đồng; chị **T3** 1.186.987. Toàn bộ số tiền này bị cáo **Nguyễn Thị P** có trách nhiệm trả lại cho những người đã vay tiền của **P**. Quá trình điều tra **Nguyễn Thị P** đã trả cho anh **C**, anh **H2**, chị **T2** và chị **T3**.

3.6. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12, màu xanh, có số IMEL 1: 354668771488901; số IMEL 2: 35818341188903 đã qua sử dụng của **Đinh Văn D**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 11S màu đen có số IMEL 1: 868256062097802 và số IMEL 2: 868256062097810 đã qua sử dụng của **Nguyễn Thị P**. Tịch thu tiêu huỷ 02 sim điện thoại di động số thuê bao 0396154662 và 0972007963.

4. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, sau khi phạm tội rất ân hận về việc làm của mình nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để bị cáo sớm trở về làm người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Thị P** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: trong thời gian từ ngày 10/11/2021 đến ngày 18/5/2023, **Nguyễn Thị P** đã cho 04 người vay, tổng số tiền 66.000.000 đồng (trong đó anh **Phạm Công C** vay số tiền 20.000.000 đồng anh **Trần Quốc H2** vay số tiền 20.000.000 đồng, chị **Nguyễn Thị T3** vay số tiền 16.000.000 đồng và chị **Ngô Thị Ánh T2** vay số tiền 10.000.000 đồng) với mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,47 lần mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự, nhằm thu lợi bất chính tổng số tiền 53.446.740 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng được pháp luật bảo vệ. Không những thế còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an ở địa phương, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, thực hiện hành vi do cố ý. Do vậy hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. ...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Đối với hành vi đánh bạc: chiều ngày 11/5/2023, tại tổ G, phường T, thành phố T, Nguyễn Thị P bán trái phép 01 số lô, 11 số đề cho Đinh Văn D với tổng số tiền 7.050.000 đồng; kết quả so với kết quả xổ Miền Bắc mở thưởng ngày 11/5/2023 D không trúng số lô, số đề nào.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị P và Đinh Văn D sử dụng điện thoại di động để trao đổi mua bán số lô, số đề trái phép với nhau vào ngày 11/5/2023 với tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 7.050.000 đồng, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý. Do vậy hành vi mà các bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. ...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 80/CT– VKSTPTĐ ngày 6/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị P và Đinh Văn D với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Về vị trí vai trò. Trong vụ án các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo P là người nhận ghi số lô, số đề; bị cáo D là người chơi. Số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là như nhau nên trong vụ án các bị cáo có vai trò như nhau và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên cả hai bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo P quá trình

điều tra đã trả lại tiền thu lời bất chính cho những người liên quan; tự nguyện giao nộp số tiền thu lời bất chính; tiền dùng vào việc đánh bạc; bố đẻ bị cáo là thương binh loại A; bị cáo **D** có ông **N1** là ông **Đinh Công C1** được tặng huy hiệu 70 năm tuổi Đảng; bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; trong giai đoạn dịch bệnh bản thân bị cáo ủng hộ tiền trong việc toàn dân tham gia chống đại dịch covid (được **ban P3** xác nhận) đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: đối với bị cáo **Nguyễn Thị P** vào năm 2015 và năm 2019 bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Đối với **Đinh Văn D** vào năm 2015 và năm 2017 đã bị xét xử về tội “đánh bạc” đã được xóa án tích.

[4] Về hình phạt:

4.1 Hành vi phạm tội của bị cáo **Nguyễn Thị P** là ít nghiêm trọng xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng được pháp luật bảo vệ; đối với tội đánh bạc gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn công cộng, tác động xấu đến tình hình trị an ở địa phương; bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do cố ý; bị cáo phạm 2 tội đều thuộc tội ít nghiêm trọng vì vậy khi quyết định hình phạt đối với tội cho vay lãi nặng cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính; đối với tội đánh bạc cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc là hình phạt tù, cho hưởng án treo và áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với tội “Đánh bạc”.

4.2 Hành vi phạm tội của bị cáo **Đinh Văn D** là ít nghiêm trọng, số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn, hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn công cộng, tác động xấu đến tình hình trị an ở địa phương; bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do cố ý; với bản án trước đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân nay lại tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội. Vì vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, bằng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng có thể giáo dục và cải tạo để bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung trong xã hội. Đối với hình phạt bổ sung: bị cáo đánh bạc nhằm mục đích vụ lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

5.1. Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra **Phạm Công C**, **Ngô Thị Ánh T2** và **Nguyễn Thị T3** đã trả cho **Nguyễn Thị P** số tiền gốc đã vay bao gồm: Cương trả 20.000.000 đồng; **T2** trả 10.000.000 đồng; **T3** trả 16.000.000 đồng. Bị

cáo **Nguyễn Thị P** đã nhận số tiền 46.000.000 đồng là tiền gốc bị cáo dùng vào việc cho vay lãi nặng nên truy thu để nộp Ngân sách nhà nước số tiền trên.

Đối với anh **Trần Quốc H2** có vay 20.000.000 đồng, quá trình điều tra anh **H2** chưa trả cho bị cáo **P**, do đó cần buộc anh **Trần Quốc H2** phải nộp lại số tiền 20.000.000 đồng sung Ngân sách nhà nước.

5.2 Đối với số tiền lãi thu lời bất chính từ việc cho vay tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự: cụ thể từ việc cho **C** vay là 4.947.945 đồng; **H2** vay số tiền 4.657.534 đồng; **T2** vay số tiền 1.479.452 đồng; **T3** vay số tiền là 263.013 đồng. Tổng số tiền lãi cần truy thu nộp Ngân sách Nhà nước là 11.347.944 đồng. Ngày 09/10/2023 bị cáo đã nộp số tiền 11.347.944 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001293 tại Chi cục thi hành án thành phố **T**, tỉnh Ninh Bình.

5.3. Đối với số tiền đánh bạc 7.050.000 đồng cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Ngày 09/10/2023 bị cáo đã nộp số tiền 7.050.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0001293 tại Chi cục thi hành án thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

5.4. Về số tiền lãi vượt quá 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự bao gồm anh **C** 20.252.055 đồng; chị **T2** 6.620.548 đồng; anh **H2** 18.742.466 đồng; chị **T3** 1.186.987 đồng. Toàn bộ số tiền này bị cáo **Nguyễn Thị P** có trách nhiệm trả lại cho những người đã vay tiền của **P**. Quá trình điều tra **Nguyễn Thị P** đã trả cho anh **C**, anh **H2**, chị **T2** và chị **T3**.

5.5. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12 màu xanh thu giữ của **Đinh Văn D**; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 11S màu đen thu giữ của **Nguyễn Thị P** là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

5.6 Về hai thẻ sim có thuê bao 0972.007.963 và 0396.154.662 đã thu giữ của **Nguyễn Thị P** và **Đinh Văn D** cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **Công an thành phố T**, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[7] Án phí hình sự: các bị cáo bị tuyên là có tội nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với tội “Đánh bạc” để áp dụng đối với bị cáo **Nguyễn Thị P.**

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự để áp dụng đối với bị cáo **Đinh Văn D.**

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố:

1.1 bị cáo **Nguyễn Thị P** phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và tội “Đánh bạc”

1.2 bị cáo **Đinh Văn D** phạm tội “Đánh bạc”

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị P**: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

+ Xử phạt 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 07/11/2023) về tội “Đánh bạc” Phạt bổ sung 10.000.000 (mười triệu) đồng đối với tội đánh bạc.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị P** cho **Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình** giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2 Xử phạt bị cáo **Đinh Văn D** 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời

gian thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 07/11/2023). Phạt bổ sung 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Giao bị cáo **Đinh Văn D** cho Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố T, tỉnh **Ninh Bình** giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

3.1 Truy thu số tiền 46.000.000 (Bốn mươi sáu triệu) đồng của bị cáo **Nguyễn Thị P** để sung ngân sách Nhà nước.

3.2 Truy thu số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) của anh **Trần Quốc H2** để sung ngân sách Nhà nước.

3.3. Tịch thu số tiền đánh bạc 7.050.000 đồng và số tiền 11.347.944 đồng tiền thu lời bất chính từ việc cho vay tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Ngày 09/10/2023 bị cáo **Nguyễn Thị P** đã nộp số tiền 18.397.944 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0001293 tại Chi cục thi hành án thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

3.4 Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12, màu xanh, có số IMEL 1: 354668771488901; số IMEL 2: 35818341188903 đã qua sử dụng của **Đinh Văn D**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 11S màu đen có số IMEL 1: 868256062097802 và số IMEL 2: 868256062097810 đã qua sử dụng của **Nguyễn Thị P**.

3.5 Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại di động số thuê bao 0396154662 và 0972007963. (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/10/2023 giữ Cơ quan điều tra **Công an thành phố T** và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: buộc các bị cáo **Nguyễn Thị P**, **Đinh Văn D**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình(1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình(1)
- VKSND thành phố Tam Điệp (1)
- Công an thành phố Tam Điệp(1)
- Phòng HSNV Công an tỉnh NB(1)
- Chi cục THA thành phố Tam Điệp (1)
- UBND phường nơi các bị cáo cư trú (1)
- Bị cáo;người có QL, NV LQ đến vụ án.

Phan Ngọc Hà